BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
**HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: BÁC SĨ THÚ Y

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TY02011: BỆNH LÝ HỌC THÚ Y 2 (VETERINARY PATHOLOGY 2)

## I. Thông tin về học phần

- Học kì: 5
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ: 03 (Lý thuyết: 2.5 - Thực hành: 0.5 - Tự học: 9.0)**
  - Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
    + Học lý thuyết trên lớp: 37 tiết
    + Thực hành trong phòng thí nghiệm/trong nhà lưới: 8 tiết
- Giờ tự học: 135 tiết
- Đơn vị phụ trách:
  - Bộ môn: Bệnh lý thú y
  - Khoa: Thú y
- Học phần thuộc khối kiến thức:

| Đại cương □ | | Cơ sở ngành X | | Chuyên ngành □ | |
|---|---|---|---|---|---|
| Bắt buộc □ | Tự chọn □ | Bắt buộc X | Tự chọn □ | Bắt buộc □ | Tự chọn □ |

- Học phần học song hành: Không
- Học phần tiên quyết: TY02020_Bệnh lý học thú y 1
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh □ Tiếng Việt X

## II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng

**** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:***

| **Chuẩn đầu ra của CTĐT**<br>Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể: | **Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo** |
|---|---|
| ***Kiến thức chung*** | |
| **CĐR3. Áp dụng** kiến thức thú y vào việc chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi một cách hiệu quả. | 3.3: Áp dụng kiến thức thú y vào việc đánh giá hiệu quả chẩn đoán và điều trị |
| ***Kỹ năng chuyên môn*** | |
| **CĐR8. Thực hiện thành thạo** các kỹ năng lâm sàng và phi lâm sàng, các qui trình kỹ thuật trong chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi, phòng chống dịch bệnh cho động vật. | 8.1: Thực hiện thành thạo các kỹ năng lâm sàng và phi lâm sàng, các qui trình kỹ thuật trong chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi nhằm góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng |
| **CĐR10. Sử dụng** công nghệ thông | 10.1: Sử dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác |

| Chuẩn đầu ra của CTĐT<br>Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể: | Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo |
|---|---|
| tin và các thiết bị hiện đại của ngành thú y phục vụ công tác chẩn đoán, phòng trị bệnh và quản lý dịch bệnh động vật đạt mục tiêu đề ra. | chẩn đoán, phòng trị bệnh và quản lý dịch bệnh động vật đạt mục tiêu đề ra<br>10.2: Sử dụng các trang thiết bị hiện đại của ngành thú y phục vụ công tác chẩn đoán, phòng trị bệnh và quản lý dịch bệnh động vật đạt mục tiêu đề ra |
| **CĐR11. Nghiên cứu khoa học** giải quyết thành công các vấn đề của lĩnh vực thú y. | 11.2: Vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học một cách phù hợp bao gồm đánh giá chính xác điểm mạnh, điểm yếu, sự tương đồng và khác nhau của phương pháp khảo sát (forms of inquiry) và lựa chọn phương pháp phù hợp |
| ***Năng lực tự chủ và trách nhiệm*** | |
| **CĐR12.** Tuân thủ quy định và luật pháp, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp | 12.1: Tuân thủ pháp luật về thú y và các quy định liên quan |

## III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của học phần

**** Mục tiêu***:

- Học phần nhằm cung cấp cho người học kiến thức cơ bản nhất về tổn thương bệnh lý do các nguyên nhân khác nhau và ở các hệ cơ quan trong cơ thể giúp các Bác sỹ Thú y tương lai có năng lực chẩn đoán và chẩn đoán phân biệt các bệnh của động vật một cách nhanh chóng và chính xác.
- Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng chuyên môn để phân biệt được các bệnh tích vi thể chủ yếu
- Học phần giúp người học có năng lực về chuyên môn bệnh lý đã được đào tạo; có khả năng tự định hướng, có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn về bệnh lý học; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn bệnh lý thông thường và một số vấn đề phức tạp trong bệnh lý thú y; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở mức độ trung bình.

**** Kết quả học tập mong đợi của học phần:***

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

*I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)*

| Mã HP | Tên HP | Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 3.3 | 8.1 | 10.1 | 10.2 | 11.2 | 12.1 |
| TY02011 | Bệnh lý học thú y 2 | P | P | I | P | R | R |

| Ký hiệu | KQHTMĐ của học phần<br>Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được | Chỉ báo CĐR của CTĐT |
|---|---|---|
| Kiến thức | | |
| K1 | Áp dụng được kiến thức về đặc điểm bệnh lý trên các cơ quan hệ thống vào việc phòng và điều trị các bệnh trên động vật | 3.3 |
| K2 | Thực hiện thành thạo kỹ năng lâm sàng, phi lâm sàng, quy trình kỹ thuật chẩn đoán, điều trị bệnh lý diễn ra trên các cơ quan hệ thống của cơ thể động vật | 8.1 |

| | | |
|---|---|---|
| Kỹ năng | | |
| K3 | Sử dụng công nghệ thông tin và máy móc thiết bị phục vụ công tác chẩn đoán, phòng trị bệnh và quản lý dịch bệnh động vật đạt mục tiêu đề ra | 10.1 |
| K4 | Vận dụng các kết quả nghiên cứu về bệnh lý trên cơ quan hệ thống và cơ thể động vật để phát hiện vấn đề nghiên cứu | 10.2<br>11.2 |
| Thái độ | | |
| K5 | Tuân thủ đúng pháp luật và đạo đức nghề nghiệp trong công tác phòng trị bệnh cho vật nuôi | 12.1 |

## IV. Nội dung tóm tắt của học phần

**TY02011. Bệnh lý học thú y 2 ( Systemic veterinary pathology). (3TC: 2.5-0.5-9).** ***Nội dung:*** Học phần này gồm các vấn đề liên quan đến các tổn thương tại các cơ quan hệ thống như: Bệnh lý học hệ tuần hoàn; Bệnh lý học hệ hô hấp; Bệnh lý học hệ tiêu hoá; Bệnh lý học hệ tiết niệu; Bệnh lý học hệ sinh dục; Bệnh lý học các bệnh truyền nhiễm mãn tính do vi khuẩn gây ra; Bệnh lý học các bệnh truyền nhiễm cấp tính do vi khuẩn gây ra; Bệnh lý học các bệnh do virus gây ra. ***Phương pháp giảng dạy:*** Sinh viên nghe giảng trên lớp và thực hành tại phòng thí nghiệm kết hợp với tự học, tự tham khảo tài liệu và trao đổi với bạn bè, thầy cô. ***Phương pháp đánh giá***: Tham dự lớp: 10%, kiểm tra giữa kì: 30%, thi cuối kì: 60%. Học phần trước: TY02020_Bệnh lý học thú y 1.

## V. Phương pháp giảng dạy và học tập

### *1. Phương pháp giảng dạy*

Bảng 1: Phương pháp giảng dạy

| KQHTMD / PPGD | K1 | K2 | K3 | K4 | K5 |
|---|---|---|---|---|---|
| Thuyết giảng | x | x | | | x |
| Thực hành | | | x | x | |

### *2. Phương pháp học tập*

Người học tiếp nhận kiến thức bằng nhiều hình thức: thông qua bài giảng, giáo trình, sách tham khảo và có trao đổi, chia sẻ, seminar, bài tập nhóm thông tin liên quan đến học phần.

## VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải dự lớp đủ thời gian quy định mới được phép dự thi hết môn
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc trước nội dung tại giáo trình Bệnh lý học thú y 2
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự đầy đủ 03 buổi thực hành và buổi thi đánh giá thực hành. Kết quả thi thực hành sẽ được sử dụng lấy điểm giữa kì
- Thi cuối kì: sinh viên phải dự thi hết môn theo hình thức thi viết, vấn đáp hoặc trắc nghiệm sau khi đã hoàn thành các nội dung trên (nếu không hoàn thành các nội dung trước sẽ không được dự thi hết môn)

## VII. Đánh giá và cho điểm

### *1. Thang điểm: 10*

### *2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric*

### *3. Phương pháp đánh giá*

Bảng 2. Ma trận đánh giá

| KQHTMĐ | K1 | K2 | K3 | K4 | K5 | Thời gian/tuần học |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Đánh giá quá trình (40%)** | | | | | | |
| Rubric 1. Tham dự lớp (10%) | | | | | x | Tuần 1-11 |
| Rubric 2. Đánh giá thực hành (30%) | | x | x | x | | Tuần 3-11 |
| **Đánh giá cuối kì (60%)** | | | | | | |
| Kiểm tra cuối kì (60%) | x | x | | | | Theo lịch thi của Học viện |

**Rubric 1: Tham dự lớp (10%)**

| Tiêu chí | 9,1 - 10 điểm | 9 điểm | 8 – 8,9 điểm | 7 – 7,9 điểm | < 7 điểm (Không đủ điều kiện thi) |
|---|---|---|---|---|---|
| Thời gian tham dự lớp và thái độ học tập | - Tham dự đủ các buổi học trên lớp (22 tiết) và thực hành (03 bài), tham gia phát biểu, xây dựng bài | Đáp ứng 1 trong hai điều kiện sau:<br>- Tham dự đủ các buổi học trên lớp (22 tiết) và thực hành (03 bài)<br>- Nghỉ 1 buổi học trên lớp (2-3 tiết), tham dự đủ các buổi thực hành, tham gia phát biểu, xây dựng bài | Đáp ứng 1 trong hai điều kiện sau:<br>- Nghỉ 1 buổi học trên lớp, tham dự đủ các bài thực hành (03 bài)<br>- Nghỉ 2 buổi học trên lớp, tham dự đủ các bài thực hành, tham gia phát biểu, xây dựng bài | - Nghỉ 2 buổi học trên lớp, tham dự đủ các bài thực hành | 1 trong hai điều kiện sau:<br>- Thiếu từ 1 bài thực hành |
| *Ghi chú: Sinh viên đi muộn 1 buổi trừ 0,5 điểm chuyên cần* | | | | | |

**Rubic 2: Đánh giá thực hành (30%)**

| Tiêu chí | Trọng số (%) | Tốt 8.5 – 10 điểm | Khá 6.5 – 8.4 điểm | Trung bình 4.0 – 6.4 điểm | Kém 0 – 3.9 điểm |
|---|---|---|---|---|---|
| Thái độ tham dự | 20 | Tham gia đầy đủ (03 buổi), tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ | Tham gia đầy đủ (03 buổi), có tham gia thảo luận và chia sẻ | Tham gia đầy đủ (03 buổi), thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ | Tham gia đầy đủ (03 buổi), không tham gia thảo luận và chia sẻ |
| Kết quả thực hành | 80 | Đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu về kỹ thuật mổ khám, sử dụng kính hiển vi trong quan sát bệnh tích tế bào và chẩn đoán bệnh trên động vật | Đáp ứng khá tốt các yêu cầu về kỹ thuật mổ khám, sử dụng kính hiển vi trong quan sát bệnh tích tế bào và chẩn đoán bệnh động vật nhưng còn sai sót nhỏ | Đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng trong kỹ thuật mổ khám và sử dụng kính hiển vi trong quan sát bệnh tích tế bào và chẩn đoán bệnh trên động vật | Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu |

**Thi cuối kì (Tự luận)**

***Bảng 3. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần***

*(Chỉ dùng cho các hoạt động đánh giá, thi giữa kì và thi cuối kì theo hình thức trắc nghiệm, tự luận)*

| KQHTMĐ | Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ |
|---|---|
| K1. Áp dụng được kiến thức về đặc điểm bệnh lý trên các cơ quan hệ thống vào việc phòng và điều trị các bệnh trên động vật | Chỉ báo 1: Áp dụng được kiến thức về đặc điểm bệnh lý của cơ quan hệ thống bao gồm tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục và các bệnh truyền nhiễm trên các loài động vật vào việc triển khai chương trình phòng, trị bệnh trên động vật |
| K2. Thực hiện thành thạo kỹ năng lâm sàng, phi lâm sàng, quy trình kỹ thuật chẩn đoán, điều trị bệnh lý diễn ra trên các cơ quan hệ thống của cơ thể động vật | Chỉ báo 1: Thực hiện thành thạo kỹ thuật lấy mẫu, mổ khám, làm tiêu bản vi thể và quan sát bệnh tích tế bào trên kính hiển vi để đưa ra kết luận phục vụ công tác chẩn đoán và điều trị bệnh |

***4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần***

- Dự lớp: Là điều kiện bắt buộc, sinh viên không được vắng mặt quá 1/4 số tiết quy định.
- Tham dự các bài thi: Sinh viên vắng mặt trong bài thi giữa kì hoặc cuối kì sẽ không đủ điều kiện để hoàn thành môn học.
- Yêu cầu về đạo đức: Sinh viên phải có ý thức đạo đức và kỷ luật tốt trong khi tham dự học phần.

**VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo**

**** Sách giáo trình/Bài giảng: (Liệt kê ít nhất 1 giáo trình)***

1. Nguyễn Hữu Nam, Nguyễn Thị Lan, Bùi Trần Anh Đào (2016). Giáo trình Bệnh lý thú y 2. Nhà xuất bản Đại học Nông nghiệp.

**** Tài liệu tham khảo khác: (Liệt kê ít nhất 3 tài liệu tham khảo)***

1. Nguyễn Hữu Nam, Nguyễn Thị Lan, Bùi Trần Anh Đào (2015). Giáo trình thực tập bệnh lý thú y. Nhà xuất bản Đại học Nông nghiệp.

2. Jaap E. Van Dijk, Erik Gruys, Johan M.V.M. Mouwen (2007). Color Atlas of Veterinary Pathology (Second Edition)

3. José Antonio García de Jalón Ciercoles, Marcelo de las Heras Guillamón (2012). A guide to necropsy diagnosis in swine pathology.

**** Kết quả nghiên cứu sử dụng trong giảng dạy***

1. Bệnh dịch tả lợn châu Phi (African swine fever) – Tình hình dịch tễ, đặc điểm bệnh lý và chẩn đoán phân biệt (bài tổng hợp) - Bệnh lý học thú y 2
2. Đáp ứng miễn dịch của lợn sau khi tiêm vacxin tai xanh nhược độc chủng PRRS Hanvet 1.vn. - Bệnh lý học thú y 2
3. Bệnh dịch tả lợn châu phi - tình hình nghiên cứu sản xuất vacxin và kinh nghiệm ứng phó của các nước. - Bệnh lý học thú y 2
4. Một số đặc điểm bệnh lý của lợn Mán mắc dịch tiêu chảy cấp do virus PED (Porcine Epidemic Diarrhea) - Bệnh lý học thú y 2
5. Một số đặc điểm dịch tễ của bệnh Carê trên chó tại Hà Nội - Bệnh lý học thú y 2

**IX. Nội dung chi tiết của học phần**

| Tuần | Nội dung | KQHTMĐ của học phần |
|---|---|---|
| 1 | ***Chương 1: Bệnh lý học hệ tuần hoàn*** | |
| | ***A/* Các nội dung chính trên lớp**: *(3 tiết)*<br>**Nội dung GD lý thuyết:** *(3 tiết)*<br>**Giới thiệu môn học**<br>Đại cương<br>Các dạng tổn thương bệnh lý thường gặp ở tim | K1, K2 |
| | ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(9 tiết)*<br>- Tổn thương ở hệ mạch quản | K1, K2, K4 |
| 2 | ***Chương 2: Bệnh lý học hệ hô hấp*** | |
| | ***A/* Tóm tắt các nội dung chính trên lớp**: *(5 tiết)*<br>**Nội dung GD lý thuyết:** *(5 tiết)*<br>Tóm tắt cấu trúc cơ bản đường hô hấp<br>Các tổn thương phế quản<br>Các tổn thương ở phổi<br>Thuỳ phế viêm<br>Phế quản phế viêm | K1, K2 |

| | | |
|---|---|---|
| | ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(15 tiết)*<br>- Rối loạn chức năng hô hấp<br>- Phù phổi | K1, K2, K4 |
| 3 | ***Chương 3: Bệnh lý học hệ tiêu hoá*** | |
| | ***A/* Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:** *(8 tiết)*<br>**Nội dung GD lý thuyết:** *(5 tiết)*<br>- Rối loạn chức năng của hệ tiêu hóa<br>- Tổn thương của hệ tiêu hóa<br>**Nội dung thực tập**: (*3 tiết)*<br>Quan sát tiêu bản vi thể<br>- Ngoại tâm mạc viêm tơ huyết<br>- Bao tim viêm tơ huyết<br>- Apse phổi<br>- Phổi xuất huyết<br>- Lao | K1, K2, K3 |
| | ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(24 tiết)*<br>- Đại cương về hệ tiêu hóa | K1, K2, K4 |
| 4 | ***Chương 4 : Bệnh lý học hệ tiết niệu*** | |
| | ***A/* Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:** *(3 tiết)*<br>**Nội dung GD lý thuyết:** *(3 tiết)*<br>Các dạng viêm thận thường gặp<br>Các tổn thương ở bàng quang và niệu đạo | K1, K2 |
| | ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(9 tiết)*<br>- Đại cương về thận<br>- Các bất thường bẩm sinh và bệnh ở nang thận | K1, K2, K4 |
| 5 | ***Chương 5 : Bệnh lý học hệ sinh dục*** | |
| | ***A/* Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:** *(6 tiết)*<br>**Nội dung GD lý thuyết:** *(3 tiết)*<br>Rối loạn chức năng của hệ thống sinh dục<br>Các tổn thương hình thái của hệ thống sinh dục<br>Các dạng viêm tử cung<br>Các dạng viêm dịch hoàn.<br>Các thể viêm vú<br>**Nội dung thực tập**: (*3 tiết)*<br>- Viêm cầu thận cấp tính<br>- Viêm kẽ thận mạn tính<br>- Thận thoái hóa kính<br>- Gan thoái hóa mỡ<br>- Gan xơ teo | K1, K2, K3 |

| | | |
|---|---|---|
| | ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(18 tiết)*<br>Đại cương về hệ thống sinh dục<br>Các dị tật bẩm sinh của hệ thống sinh dục | K1, K2, K4 |
| 6 | ***Chương 6: Bệnh lý học các bệnh truyền nhiễm mãn tính do vi khuẩn gây ra*** | |
| | ***A/* Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:** *(5 tiết)*<br>**Nội dung GD lý thuyết:** *(3 tiết)*<br>- Bệnh do Mycoplasma ở gia súc, gia cầm<br>- Bệnh Xoắn khuẩn<br>- Bệnh Lao<br>- Bệnh Nấm tia<br>- Bệnh Xảy thai truyền nhiễm<br>**Nội dung thực tập**: (*2 tiết)*<br>- Hạch lâm ba xuất huyết<br>- Lách nhồi huyết<br>- Phế quản phế viêm | K1, K2, K3 |
| | ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(15 tiết)*<br>Đặc tính sinh học của vi khuẩn | K1, K2, K4 |
| 7 | ***Chương 7: Bệnh lý học các bệnh truyền nhiễm cấp tính do vi khuẩn gây ra*** | |
| | ***A/* Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:** *(4 tiết)*<br>**Nội dung GD lý thuyết:** *(4 tiết)*<br>- Bệnh Nhiệt thán<br>- Bệnh Tụ huyết trùng (Gia cầm, Lợn, Trâu – Bò)<br>- Bệnh gây ra do Salmonella (Gia cầm, Lợn, Trâu – Bò)<br>- Bệnh Đóng dấu lợn<br>- Bệnh do E. coli<br>**Nội dung thực tập**: | K1, K2, K3 |
| | ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(12 tiết)*<br>- Đặc tính sinh học của vi khuẩn | K1, K2, K4 |
| 8 | ***Chương 8: Bệnh lý học các bệnh do virus gây ra*** | |
| | ***A/* Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:** *(6 tiết)*<br>**Nội dung GD lý thuyết:** *(6 tiết)*<br>- Bệnh Lở mồm long móng<br>- Bệnh dịch tả lợn<br>- Bệnh TGE<br>- Bệnh Giả dại<br>- Bệnh Sài sốt chó con<br>- Bệnh viêm gan do virus<br>- Bệnh Đậu<br>- Bệnh cúm ở các loài | K1, K2, K3 |

| | | |
|---|---|---|
| | - Bệnh Newcastle<br>- Bệnh Gumboro<br>- Bệnh Dịch tả vịt<br>- Bệnh Marek<br>- Bệnh Leukosis<br>- Bệnh viêm phế quản truyền nhiễm<br>**Nội dung thực tập**: | |
| | ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(18 tiết)*<br>- Đặc tính sinh học của virus | K1, K2, K4 |
| 9 | ***Chương 9: Bệnh lý học các bệnh nhiễm độc*** | |
| | ***A/* Tóm tắt các nội dung chính trên lớp:** *(5 tiết)*<br>**Nội dung GD lý thuyết:** *(5 tiết)*<br>Bệnh lý học các bệnh nhiễm độc<br>**Nội dung thực tập**: | K1, K2, K3 |
| | ***B/* Các nội dung cần tự học ở nhà**: *(15 tiết)*<br>- Nhiễm độc do dùng thuốc thú y | K1, K2, K4 |

**X. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học, thực hành: Phòng học và phòng thực hành phải được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất như bàn, ghế, hệ thống điện, quạt và điều hòa.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Các phương tiện hỗ trợ công tác giảng dạy bao gồm màn chiếu, Projector, loa và bút chỉ phải được trang bị đầy đủ và luôn trong tình trạng tốt.
- Các phương tiện khác: Tại khu vực giảng đường, hệ thống internet dành cho cán bộ phải được trang bị đầy đủ hơn để giúp giảng viên dễ dàng có những hỗ trợ về kỹ năng cho sinh viên ngay tại giảng đường nếu cần.
- E- learning.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022*

**TRƯỞNG BỘ MÔN**
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Bùi Thị Tố Nga

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Bùi Thị Tố Nga

**TRƯỞNG KHOA**
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Bùi Trần Anh Đào

**KT. GIÁM ĐỐC**
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

PHÓ GIÁM ĐỐC
GS.TS. Phạm Văn Cường

# PHỤ LỤC

## THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

**Giảng viên phụ trách học phần**

| | |
|---|---|
| Họ và tên: **Nguyễn Thị Lan** | Học hàm, học vị: GS.TS |
| Địa chỉ cơ quan: Phòng 316 – Khoa Thú y – Học viện Nông nghiệp Việt Nam – Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội | Điện thoại liên hệ: |
| Email: nguyenlan@vnua.edu.vn | Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/thu_y/ |
| Cách liên lạc với giảng viên: Email/ gặp trực tiếp tại bộ môn | |

**Giảng viên giảng dạy học phần**

| | |
|---|---|
| Họ và tên: **Bùi Trần Anh Đào** | Học hàm, học vị: PGS.TS |
| Địa chỉ cơ quan: Phòng 316 – Khoa Thú y – Học viện Nông nghiệp Việt Nam – Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội | Điện thoại liên hệ: |
| Email: btadao@vnua.edu.vn | Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/thu_y/ |
| Cách liên lạc với giảng viên: Email/ gặp trực tiếp tại bộ môn | |

**Giảng viên giảng dạy học phần**

| | |
|---|---|
| Họ và tên: **Bùi Thị Tố Nga** | Học hàm, học vị: TS |
| Địa chỉ cơ quan: Phòng 316 – Khoa Thú y – Học viện Nông nghiệp Việt Nam – Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội | Điện thoại liên hệ: |
| Email: bttnga@vnua.edu.vn | Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/thu_y/ |
| Cách liên lạc với giảng viên: Email/ gặp trực tiếp tại bộ môn | |

**Giảng viên giảng dạy học phần**

| | |
|---|---|
| Họ và tên: **Nguyễn Vũ Sơn** | Học hàm, học vị: TS |
| Địa chỉ cơ quan: Phòng 316 – Khoa Thú y – Học viện Nông nghiệp Việt Nam – Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội | Điện thoại liên hệ: |
| Email: nguyenvuson@vnua.edu.vn | Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/thu_y/ |
| Cách liên lạc với giảng viên: Email/ gặp trực tiếp tại bộ môn | |

## BẢNG TÓM TẮT TƯƠNG THÍCH GIỮA KQHTMĐ, DẠY- HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ

| KQHTMĐ | K1 | K2 | K3 | K4 | K5 |
|---|---|---|---|---|---|
| **DẠY VÀ HỌC** | | | | | |
| Thuyết giảng | x | x | | | x |
| Thực hành | | | x | x | |
| **ĐÁNH GIÁ** | | | | | |
| Rubric 1. Tham dự lớp | | | | | x |
| Rubic 2. Kiểm tra giữa kì | x | | x | | |
| Kiểm tra cuối kì | x | x | | | |

## CÁC LẦN CẢI TIẾN ĐỀ CƯƠNG:

- Lần 1: 7/ 2017
  + Cập nhật giáo viên giảng dạy học phần
- Lần 2: 7/ 2018
  + Cập nhật tài liệu tham khảo
- Lần 3: 7/ 2019
  + Sửa lại rubric đánh giá chuyên cần và giữa kỳ
- Lần 4: 7/ 2020
  + Cập nhật phương pháp giảng dạy thông qua phần mềm Ms Teams
  + Cập nhật tài liệu tham khảo
- Lần 5: 7/ 2021
  + Sửa lại chỉ báo trong rubric đánh giá giữa kỳ
  + Cập nhật giảng viên giảng dạy học phần
- Lần 6: 7/ 2022
  + Cập nhật giảng viên giảng dạy học phần